

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HS-ST

Ngày: 13-4-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phan Hoàng Nam

2/ Ông Phạm Văn Tuyên

*Thư ký phiên tòa:* Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại Phòng xét xử Hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 64/2021/TLST - HS ngày 10/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST – HS ngày 16/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Hoàng T**; giới tính: Nam; sinh năm 1988, tại tỉnh Đ; nơi ĐKKHKT: Ấp K, xã M, huyện T, tỉnh Đ; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Làm thuê; họ tên cha: Nguyễn Hoàng O, sinh năm 1959; họ tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; hoàn cảnh gia đình: Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1995 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2014.

Tiền án: Ngày 27/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 58/2011/HSST); chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/3/2013, theo Giấy xác nhận chấp hành xong hình phạt tù số 83/XN-TGCL ngày 03/12/2020 của Trại giam C; đóng án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm ngày 25/11/2011 theo Biên lai đóng án phí số 002299 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đ; chưa bồi thường dân sự cho bị hại số tiền 16.800.000 đồng.

Nhân thân: Ngày 14/11/2008, bị Tòa án nhân dân Quận X (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), Thành phố H xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 151/2008/HSST); chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/01/2009, theo Giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù số 16/GCN ngày 17/01/2009 của Trại tạm giam B; đóng án phí ngày 26/12/2008, theo Biên lai số 019847 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T), Thành phố H.

Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/11/2020, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Công ty Cổ phần C - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc M, sinh năm 1980.

Địa chỉ trụ sở chính: 101 – 103 TQK, phường T, Quận M, Thành phố H.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đào Dương Nh, sinh năm 1991, theo Giấy ủy quyền số 682-2020/UQ-CC ngày 25/11/2020 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 724 ấp Đ, xã TH, huyện G, tỉnh A.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Hoàng T nảy sinh ý định đi kiếm tài sản của người khác trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài. Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 25/11/2020, Tây mang theo 02 cây tua vít, 01 cây kềm, 01 cây chìa khóa số 8, 01 cây chìa khóa số 10 và 01 cuộn dây thừng đi bộ từ nhà trọ thuộc khu phố 4, thị trấn T, huyện B ra đường kiếm tài sản trộm cắp. Khi đến trước cửa hàng C tại địa chỉ 326A/13, ấp 1, xã A, thì T quan sát thấy không có người trông coi nên đi vòng ra phía sau leo lên nóc nhà của cửa hàng, dùng chìa khóa số 8 mở các ốc vít cố định mái tôn. Sau khi mở tôn, mở la phong T nhảy xuống bên trong cửa hàng. Tại đây, T đến vị trí quầy thu ngân, mở hộc tủ và lấy khoảng hơn 1.000.000 đồng bỏ vào túi quần bên phải. T tiếp tục quay sang vị trí để két sắt được đặt bên cạnh quầy thu ngân dùng tua vít, kềm để cạy két sắt nhưng không được thì T lấy 02 thanh kim loại hình chữ “J” được để sẵn trong cửa hàng và cạy bung được cửa két sắt ra để lấy số tiền khoảng hơn 10.000.000 đồng bỏ vô túi quần bên phải. Lúc này, bà Võ Thị Hồng Ph là nhân viên giám sát camera của chuỗi hệ thống cửa hàng C có trụ sở tại Quận B, Thành phố H phát hiện và gọi điện thoại trình báo Công an xã A, huyện B. Nhận được tin báo, lực lượng Công an xã A đến hiện trường tiến hành vây bắt T. Biết mình đã bị phát hiện nên T trèo qua nhà kho cạy vách cửa hàng C để trốn. Đến khoảng 07 giờ ngày 25/11/2020 thì Công an xã A, huyện B bắt giữ được T cùng số tiền tang vật là 16.710.000 đồng. Công an xã A tiến hành lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 321/KL-HĐDGTS ngày 08/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận giá trị thiệt hại phần ổ khóa két sắt do hành vi đập phá của Nguyễn Hoàng T gây ra là 960.000 đồng.

Vật chứng vụ án thu giữ được gồm:

- Số tiền tang vật 16.710.000 đồng; 01 cái két sắt nhãn hiệu GOLDBANK Model KN541806112, đã hư hỏng phần cửa. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã trao trả lại cho chủ sở hữu là đại diện cửa hàng Con Cưng.

- 01 cái nón hình tròn màu đỏ; 01 nón lưỡi trai màu đỏ; 01 đôi dép nhựa màu đen; 02 thanh kim loại hình chữ “J”, mỗi thanh dài khoảng 40cm; 02 chìa khóa gồm 01 chìa khóa số 8 và 01 chìa khóa số 10; 02 cây tua vít gồm 01 cây màu tím, dài khoảng 20cm và 01 cây màu vàng, dài khoảng 15cm; 01 cây kèm màu xanh dài khoảng 12cm; 01 sợi dây thừng bằng nhựa dài khoảng 05m.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thì bị cáo Nguyễn Hoàng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT - VKS ngày 05 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và rút một phần truy tố đối với bị cáo từ điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xuống Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) với lý do: Bản án số 151/2008/HSST ngày 14/11/2008 của Tòa án nhân dân Quận X (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), Thành phố H xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đóng án phí) giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng (1.131.000 đồng) nên theo quy định pháp luật Bản án nêu trên được xem là bị cáo đã xóa án tích. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bồi thường cho bị hại và xử lý vật chứng theo quy định.

Bị hại vắng mặt tại tòa, lời khai cùng các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị hại yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 2.600.000 đồng chi phí sửa chữa két sắt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Hoàng T tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 112 – 123, 132 - 135); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Bản ảnh hiện trường, thu giữ vật chứng, kết quả định giá tài sản...cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 25/11/2020, bị cáo Nguyễn Hoàng T đã có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 16.710.000 đồng của Công ty Cổ phần Con Cưng tại chi nhánh ở địa chỉ 326A/13 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hoàng T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố H đã truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tính đến ngày phạm tội bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa: Ngày 27/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (theo Bản án số 58/2011/HSST) (chưa bồi thường dân sự cho bị hại số tiền 16.800.000 đồng), nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo, khi lượng hình có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cân nhắc đến các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn

hồi cải về hành vi phạm tội của mình. Xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[7] Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo từ điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xuống Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) Hội đồng xét xử chấp nhận bởi lý do sau: Bản án số 151/2008/HSST ngày 14/11/2008 của Tòa án nhân dân Quận X (nay là Tòa án nhân dân thành phố T), Thành phố H xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đóng án phí) giá trị tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng (1.131.000 đồng); căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội hướng dẫn về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì Bản án nêu trên bị cáo được xem như đã xóa án tích. Do đó, việc rút một phần truy tố của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với hành vi đập phá kết sắt của bị cáo, qua định giá tài sản xác định thiệt hại phần ổ khóa của kết sắt dưới 2.000.000 đồng nên hành vi này của bị cáo chưa đủ căn cứ để Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý về tội “Hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản”, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền tang vật 16.710.000 đồng; 01 cái kết sắt nhãn hiệu GOLDBANK Model KN541806112, đã hư hỏng phần cửa. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã làm thủ tục giao trả lại cho chủ sở hữu là đại diện cửa hàng C theo Biên bản được lập vào hồi 08 giờ 20 phút ngày 17/12/2020, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 cái nón hình tròn màu đỏ; 01 nón lưỡi trai màu đỏ; 01 đôi dép nhựa màu đen; 02 thanh kim loại hình chữ “J”, mỗi thanh dài khoảng 40cm; 02 chìa khóa gồm 01 chìa khóa số 8 và 01 chìa khóa số 10; 02 cây tua vít gồm 01 cây màu tím, dài khoảng 20cm và 01 cây màu vàng, dài khoảng 15cm; 01 cây kèm màu xanh dài khoảng 12cm; 01 sợi dây thừng bằng nhựa dài khoảng 05m, xét không có giá trị sẽ tịch thu tiêu hủy theo điểm c Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

[9] Về dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.600.000 đồng chi phí thay, sửa chữa ổ khóa kết sắt, bị cáo đồng ý bồi thường. Xét sự nguyện của bị cáo là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2020.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 cái nón hình tròn màu đỏ; 01 nón lưỡi trai màu đỏ; 01 đôi dép nhựa màu đen; 02 thanh kim loại hình chữ “J”, mỗi thanh dài khoảng 40cm; 02 chìa khóa gồm 01 chìa khóa số 8 và 01 chìa khóa số 10; 02 cây tua vít gồm 01 cây màu tím, dài khoảng 20cm và 01 cây màu vàng, dài khoảng 15cm; 01 cây kềm màu xanh dài khoảng 12cm; 01 sợi dây thừng bằng nhựa dài khoảng 05m.

(vật chứng này hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh theo Biên bản giao nhận vật chứng được lập vào hồi 09 giờ 40 phút ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng T phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty cổ phần Con Cưng số tiền 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm ngàn đồng). Việc bồi thường phải thực hiện khi Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc thi hành án thì còn phải trả thêm tiền lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại tòa được

quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- CA H. BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Sở Tư pháp, TP. HCM;
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Hoàng Sơn**